

# VIỆC "CẢI CÁCH" GIÁO DỤC CỦA PIERRE PASQUIER Ở VIỆT NAM ĐẦU THẬP NIÊN 30, THẾ KỶ XX

TẠ THỊ THÚY\*

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1917 do Albert Sarraut chủ trương và những cải đổi tiếp theo trong những năm 20 đã làm cho nền giáo dục Việt Nam về cơ bản được coi là đã ổn định cả về tổ chức và chương trình giảng dạy. Nhưng khi Pierre Pasquier tiến hành "Chương trình cải cách" đầy tham vọng trong những năm 30 thì giáo dục Việt Nam lại một lần nữa đã lại được đem ra "cải cách"

Việc "cải cách" giáo dục lần này được chủ trương ngay từ trong *Chính sách 19 điểm* (1) của Pierre Pasquier theo tinh thần là:

"*Mở rộng giáo dục, nhưng là một nền giáo dục phù hợp với nhu cầu của dân Đông Dương và hướng tới việc cải cách về phong tục và tinh thần (moeurs et esprits)*" (2).

Từ tinh thần ấy, Pierre Pasquier đề xuất "chương trình cải cách giáo dục" để phục vụ cho những cải đổi về chính trị, chính quyền...

Trong bối cảnh lúc bấy giờ, chủ trương "cải cách" giáo dục của Pierre Pasquier đã nhận được sự tán thưởng nhiệt liệt của cả chính phủ thực dân, chính phủ và hệ thống

quan lại Nam triều khi cho rằng sự bất cập của giáo dục là một trong những nguyên nhân cơ bản (cùng với "sự nghèo đói của dân chúng") gây ra những "bất ổn, rối loạn" xã hội và coi "cải cách" giáo dục là cần thiết. Nói tóm lại, đây được coi là một trong những điểm mấu chốt trong "Chương trình cải cách" trong những năm 30 của Pierre Pasquier và có ý nghĩa về chính trị hơn là đối với bản thân giáo dục.

Thay mặt giới *thượng lưu trí thức*, Dương Bá Trạc nêu rõ lý do dẫn đến cuộc "cải cách" này là như sau (3):

"... *quần chúng giáo dục ở trong xứ này sai lạc mà gây bao nhiêu những học trò thôi học ở nhà trường tiểu học ra là bấy nhiêu những quân lính tiên phong của kẻ phản loạn vậy.*

Còn như bậc Trung học trở lên đến Cao đẳng học chuyên môn thì ở các trường Trung học Tây ở Hà Nội, Sài Gòn con em Nam học còn ít.

Vả lại, *trình độ học chưa cao, sức học chưa chín, chưa suốt rõ lý thế, hiểu hết việc đời, cái huyết khí thô bạo chưa thuần, cái nghị lực trầm tiêm chưa đủ, gặp sao hay vậy, dụng dẫu làm dấy, bấy giờ nghe cách mệnh thì làm cách mệnh, nghe cộng sản thì*

\* PGS.TS. Viện Sử học

*làm công sản, chẳng nghĩ gì sâu nông, chẳng tính gì thành bại, miễn cố làm cho khỏi úc, khỏi phẫn, mà rang tay mồm miệng làm chủ động cho một bầy nhưng nhúc nhừ đầu cũng có, kiếm đầu cũng sẵn, là những kẻ học trò dở dang vô nghiệp ngu dân cùng khổ vô quy.*

*Ấy vì sự Cao đẳng giáo dục xứ này sai lạc nổi mà gây bao nhiêu những tay tài tuấn bất đắc chí với xã hội hiện thời, tức là bấy nhiêu những tương soái cố liệu làm loạn vậy”.*

Bài báo ám chỉ tới những hoạt động cách mạng sôi nổi của thanh niên trí thức lúc bấy giờ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản cũng như của các đảng phái khác, như Việt Nam Quốc dân đảng chẳng hạn.

Vì vậy, nội dung của việc “*cải cách giáo dục*” lần này được giới *thượng lưu* bản xứ đề xuất là:

*“... giáo dục thanh niên về công đức và tư đức. Định lại một Bộ học thuộc chính phủ Nam triều, để giám đốc phổ thông giáo dục, sửa đổi thể lệ khảo hạch về sơ học cùng các chương trình học về khoa lịch sử luân lý. Việc cải cách đó sẽ tuân tự mà tiến hành” (4).*

Điều đó có nghĩa là việc “*cải cách*” giáo dục, theo quan niệm và yêu cầu của giới *thượng lưu trí thức* bản xứ thực ra chỉ nhằm vào giáo dục về *đạo đức, tư tưởng* còn về học vấn thì vẫn như trước đây, mục tiêu cao nhất của đào tạo chỉ là xóa được nạn mù chữ cho trẻ con là đủ. Vì thế, đối tượng “*cải cách*” lần này theo Chính phủ Nam triều là chỉ nhằm vào bậc giáo dục sơ đẳng, tức là giáo dục phổ thông, còn những bậc học khác thì vẫn giữ nguyên như cũ.

Về phía chính quyền thuộc địa, “*Chương trình cải cách*” được Pierre Pasquier đệ trình Bộ thuộc địa ngày 23-3-1931 lại nhằm vào cả ba cấp học, từ tiểu học đến

trung học, đại học cũng như hệ thống dạy nghề, với nội dung cụ thể là:

*“a. Tiểu học: tăng số trường, đào tạo giáo viên trong các trường sư phạm, cải thiện điều kiện của các nhà giáo; trở lại với việc giáo dục đạo đức truyền thống Hán - Việt; ở Bắc và Trung Kỳ, giảm sự can thiệp của chính phủ trung ương về giáo dục sơ đẳng tiểu học bằng cách cho phép các làng xã quyền tự do lựa chọn sách học và thầy giáo (matières và maitres), tất nhiên là những người này được đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền.*

*b. Trung học (Enseignement secondaire): tăng số trường trung học, tổ chức giảng dạy Cao đẳng tiểu học, đảm bảo sự tương đương giữa tú tài bản xứ và tú tài chính quốc để tránh việc du học sang chính quốc vì kinh nghiệm đã chỉ ra những kết quả không tốt.*

*c. Dạy nghề: cần phải tổ chức hoàn toàn mặc dù đã có một số trường dạy nghề ở Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Huế, trường thuốc, trường Mỹ nghệ Sài Gòn, trường Mỹ nghệ Hà Nội.*

*d. Giáo dục cao đẳng (Enseignement Supérieur): đã có dự án tổ chức các trường Y và Luật Hà Nội đảm nhiệm giáo dục đại học. Trường Đại học Đông Dương, dành cho những người ưu tú trong những thân dân của chúng ta, đã có những môn học chủ yếu của văn hóa Pháp” (5).*

Như vậy, tinh thần của “*Chương trình cải cách*” trong giáo dục của Pierre Pasquier là mở rộng sơ đẳng tiểu học, giao việc quản lý cấp học này cho chính phủ Nam triều, những cấp còn lại vẫn thuộc quyền quản lý của chính phủ thuộc địa. Hơn nữa, sau hơn 30 năm tiến hành Pháp - Việt hóa nền giáo dục truyền thống, đẩy lùi dần giáo dục Hán học - Nho giáo thì nay để lập lại trật tự xã hội, Pierre Pasquier chủ

trường lập lại giáo dục Hán học để phục vụ chủ trương khôi phục Nho giáo - cơ sở đạo đức của chế độ phong kiến. Mặt khác, khi chính sách giáo dục thời kỳ Varenne ở giai đoạn trước bị giới thực dân cho là quá "rộng rãi" với người bản xứ thì Pierre Pasquier lại mị dân ở chỗ công nhận tương đương giữa tú tài *Ta* với tú tài *Tây*. Thực ra đó chỉ là để xoa dịu những mặc cảm thua thiệt trong thanh niên bản xứ và cũng là ngăn cản luồng du học sang chính quốc như trước đây.

Tư tưởng chỉ đạo việc "cải cách" giáo dục của Pierre Pasquier còn được các quan chức chính quyền thuộc địa nhiệt liệt hoan nghênh theo hướng gắn công việc này với những cải đổi về chính trị, hành chính và "tôn trọng phong tục tập quán" của dân bản xứ (6).

Cuộc "cải cách" giáo dục được tiến hành ngay từ đầu 1930, khi *Chương trình cải cách* chung của Pierre Pasquier còn chưa kịp đệ trình Bộ thuộc địa.

Về tài chính thì nếu trước đây vốn dành cho giáo dục thuộc Ngân sách Liên bang và ngân sách cấp xứ thì từ 1927 trở đi, chính quyền thuộc địa đã thực hiện phương châm

"*xã hội hóa giáo dục*" trong chủ trương mở rộng các hương trường và việc chi trả cho giáo dục giờ cũng do ngân sách các cấp thấp hơn đảm nhận, trong đó chủ yếu là do người dân đóng góp. Về việc này, Thống sứ Bắc Kỳ Pages đã nói rõ quan điểm của mình là:

"*Hồ hào các xã thôn ra công góp sức vào việc giáo dục hơn nữa để cho việc giáo dục về bậc tiểu học truyền bá rộng ra. Trường tư thực trong mấy năm nay cho mở rộng ra thì tôi đồng ý với giám đốc học chính giải quyết việc học giữa lúc công quỹ đương thiếu nhiều này*" (7).

Do đó, vào đầu những năm 30, ngay cả trong khủng hoảng, nguồn chi cho giáo dục cũng không bị giảm sút, bởi nguồn cung từ ngân sách cấp trên giảm đi đã được bù vào bằng nguồn ngân sách cấp tỉnh, thành phố và cấp làng xã, tăng gấp đôi, thậm chí gấp 3 lần so với trước khủng hoảng, như được thể hiện trong bảng 1.

Việc "cải cách" bộ máy giáo dục cũng được tiến hành vào năm 1933.

Ngày 2-5-1933, Bảo Đại ra Dụ thành lập Bộ Quốc gia giáo dục Nam triều. Dụ này được phê chuẩn bằng Nghị định

**Bảng 1: Chi tiêu cho Giáo dục công đã được đăng ký (Tính bằng nghìn đồng) (8)**

Năm	Ngân sách Liên bang	Ngân sách cấp xứ	Ngân sách cấp tỉnh, thành phố, làng xã	Tổng cộng
1929	1.846	7.429	1.168	10.443
1930	2.042	7.985	2.290	12.317
1931	2.403	5.359	5.748	13.510
1932	2.237	5.211	5.610	13.058
1933	1.834	4.944	5.404	12.182
1934	1.692	4.653	4.366	10.711
1935	1.505	4.114	5.627	11.246

Toàn quyền ngày 7-8-1933. Phạm Quỳnh được bổ nhiệm chức thượng thư bộ này để quản lý bậc tiểu học ở Bắc và Trung Kỳ, còn từ bậc trung học trở lên vẫn do *Nha học chính Đông Dương* điều khiển. Ở các tỉnh, triều đình Huế cho đặt chức đốc học, kiểm học, còn ở các phủ, huyện, chức huấn đạo và giáo thụ cũng được phục hồi.

Mặt khác, những quy định về việc học cũng được sửa đổi. Ngày 17-6-1933, Pierre Pasquier ban hành nghị định sửa đổi một số điều trong Bộ *Học chính Tổng quy* (9). Tuy nhiên, việc sửa đổi này cũng mới chỉ nhằm vào những quy định liên quan đến bậc tiểu học và cao đẳng tiểu học Pháp Việt tại Đông Dương. Những bậc học khác được ghi trong "*Chương trình cải cách*" của Pierre Pasquier không thấy có trong quy định này.

Theo tinh thần nghị định trên, bậc Tiểu học sẽ gồm hai bậc: Sơ đẳng Yếu lược và bậc Tiểu học.

Bậc Sơ đẳng yếu lược có 3 lớp: Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng hoặc chỉ có một hai lớp về bậc sơ đẳng, thường đặt ở các làng gọi là Sơ học hương trường hay còn gọi là trường hương học, dành cho học trò từ 6 tuổi (Đồng ấu), 7 tuổi (Dự bị), 8 tuổi (Sơ đẳng).

Bậc tiểu học là loại trường ngoài bậc Sơ đẳng tiểu học yếu lược, còn có thêm 3 lớp là: trung đẳng năm thứ nhất, trung đẳng năm thứ nhì và cao đẳng (còn gọi là lớp nhì đệ nhất, lớp nhì đệ nhị và lớp nhất), được dành cho những học trò từ 9 tuổi (trung đẳng năm thứ nhất), 10 tuổi (trung đẳng năm thứ nhì) đến 11 tuổi (cao đẳng) và được đặt ở các phủ huyện hoặc tỉnh lỵ. Điều đó có nghĩa là so với trước đây, bậc Tiểu học đã bị kéo dài thêm 1 năm và chia làm hai cấp: Sơ học và Tiểu học.

Muốn từ cấp nọ lên cấp kia, học sinh phải thi và có bằng Sơ học yếu lược (hay Sơ

đẳng) mới lên được Tiểu học để lấy bằng Tiểu học Pháp Việt. Nghị định này quy định chặt chẽ là con trai quá 12 tuổi, con gái quá 13 tuổi không được xin vào Sơ đẳng tiểu học yếu lược và nếu quá 15 và 16 tuổi sẽ không được xin vào Tiểu học (trừ đối với đồng bào các dân tộc Tày, Dao (10) (ở Bắc, Trung và Nam Kỳ), người Lào (ở Lào) và người Khome (ở Campuchia và Nam Kỳ), tại bậc Sơ đẳng yếu lược được tăng lên 14 đối với con trai và 17 đối với con gái). Tại Trung Kỳ, thể lệ vào Trung đẳng năm thứ nhất phải theo Nghị định Khâm sứ, chiếu theo điều 10 Nghị định Toàn quyền ngày 16-4-1932. Nghĩa là số trẻ em không có điều kiện tới trường sẽ phải chịu phạt mù chữ bởi không phải gia đình nào cũng có điều kiện cho con đi học đúng độ tuổi theo quy định.

Về văn tự, không có mấy thay đổi so với trước đây.

Theo quy định, tiếng Việt được dạy ở bậc Sơ đẳng tiểu học, tiếng Pháp được dạy mỗi buổi 1 giờ ở hệ tiểu học kiêm bị nhưng chỉ ở các trường gần các trung tâm văn hóa, kinh tế, có giao thiệp với người Pháp, chữ Hán được dạy ở lớp dưới cho những học sinh muốn thi môn này trong kỳ thi Sơ học yếu lược.

Các kỳ sát hạch bằng tiểu học Pháp Việt do quan Thủ hiến các xứ ra nghị định chiếu theo yêu cầu của Chánh học chính. Hội đồng sát hạch gồm một chánh học chính, một thanh tra tiểu học Pháp - Việt và nếu ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì bảy giờ Đốc học sẽ là phó hội đồng và thành viên hội đồng là các giáo viên người Pháp hay bản xứ.

Trong các môn học ở lớp dưới, các môn luân lý, sử ký, quốc văn, cách trí, toán pháp và vệ sinh được dạy bằng chữ Việt. Trong các môn học đó, luân lý là môn được chú

Bảng 2: Số trường và số học sinh tiểu học 1930-1935 (11)

Năm	Trường công		Trường tư	
	Số trường	Số học sinh	Số trường	Số học sinh
1930	5.402	341.000	707	42.000
1931	5.356	335.000	719	45.000
1932	5.383	336.000	767	48.000
1933	5.997	354.000	943	53.000
1934	6.194	364.000	1.072	59.000
1935	6.258	394.000	1.060	61.000

trọng nhiều nhất, tập trung vào lễ giáo như hiếu (với ông bà, cha mẹ), trung (với vua, quan triều Nguyễn)... và bốn phần với bản thân, theo tinh thần phục hồi Nho giáo để khôi phục "kỷ cương, phép nước" Quốc văn giáo khoa thư cho các lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng bắt đầu được biên soạn từ giai đoạn trước đã hoàn thành và được dạy thống nhất trên toàn quốc. Trong 84 bài trong Quốc văn giáo khoa thư sơ đẳng thì 26 bài là về luân lý, theo đúng tinh thần "cải cách" giáo dục của Nam triều. Môn Sử ký được dạy về Lịch sử Việt Nam từ Hồng Bàng đến sau khi Pháp đặt ách đô hộ lên nước Việt Nam.

Từ trung đẳng đệ nhất trở lên, học sinh vẫn phải học chủ yếu bằng tiếng Pháp. Ở các lớp trên, tiếng Việt cũng được dạy, nhưng mỗi tuần chỉ một giờ. Từ lớp này, học sinh bắt đầu được dạy nhập môn toán pháp, tức là 4 phép tính, cách đo lường. Môn Pháp văn dạy về các nhà văn Pháp. Môn Quốc văn dạy văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học cổ điển Việt Nam và về một số tác giả đương thời như Nhất Linh, Khái Hưng, Lan Khai, Nguyễn Công Hoan, Thế Lữ...

Tuy nhiên, việc "cải cách" đối với hệ tiểu học lần này của Pierre Pasquier có kết quả là số trường công và học sinh hệ công lập

không tăng, trong khi số trường dân lập và học sinh các trường dân lập tăng lên ít nhiều do sự sáng tạo và tinh thần hiếu học của dân ta như được thể hiện trong bảng 2 về tình hình giáo dục hệ tiểu học trong những năm khủng hoảng (1930-1935).

Đối với các cấp học khác, thực hiện chủ trương "cải cách" của Pierre Pasquier, một số trường cao đẳng và đại học đã được lập ra hoặc tổ chức lại. Năm 1930, Pháp tuyển dụng giáo sư cho Trường Luật và Trường Y, mở rộng trường Trung học Đà Lạt, phát triển thêm một số học bổng và trợ cấp học đường (12). Cùng năm, Pháp lập khoa Khoáng chất ở phía Nam. Năm 1931, Sắc lệnh 11-9 (được ban hành bằng Nghị định ngày 24-11-1931) cho lập ra Trường Cao đẳng Luật khoa ở Hà Nội để dạy về luật La Mã và luật của nước Pháp cũng như luật pháp của các nước khác cho học sinh. Người giảng dạy là các giáo sư người Pháp. Mục đích giảng dạy là áp dụng nguyên những kinh nghiệm "bảo hộ" thuộc địa của người La Mã ở châu Âu thời trung cổ vào Việt Nam, phục vụ cho việc "cải tổ" về chính trị của chính quyền thuộc địa. Bằng Nghị định ngày 24-7-1932, Pháp tổ chức lại Trường cao đẳng sư phạm, với nhiệm vụ là đào tạo các giáo viên về sư phạm. Năm 1933, Pháp tổ chức lại Trường Thú y Đông Dương để

đào tạo nhân viên thú y người "bản xứ". Sắc lệnh ngày 19-10-1933, được sửa đổi, bổ sung bằng nhiều nghị định Toàn quyền, Pháp tổ chức lại Trường Y, Dược khoa Hà Nội.

Nói tóm lại, những "cải cách" về giáo dục của chính phủ thuộc địa lúc này mới chỉ dừng lại ở việc phân cấp quản lý đối với bậc tiểu học, chuyển từ *Nha học chính* sang *Bộ học* của chính phủ Nam triều. Đối với các bậc học khác, việc "cải cách" mới chỉ dừng lại ở những dự định là chính. Hơn nữa, ngay cả đối với bậc tiểu học, nói là do Bộ học quản lý, nhưng theo cách tổ chức thi cử thì Bộ học chẳng có quyền hành gì nhiều, quyền quyết định vẫn thuộc Nha học chính và thủ hiến các xứ. Một số thay đổi trong tổ chức và giảng dạy cho bậc tiểu học có phần nhiều khô và khi nhấn mạnh yếu tố đạo đức, tư tưởng, phong tục tập quán thì phần hiện đại sẽ bị giảm bớt đi. Theo cách ấy, cuộc "cải cách" chỉ nhằm tạo ra một lớp thiếu niên ở trình độ thấp về học vấn (chủ yếu là biết đọc, biết viết, biết phong tục tập quán của nước mình), nhưng lại trở thành những "công dân mẫu mực" về đạo đức, tư tưởng theo quan niệm phong kiến về trung hiếu, tức là hiếu hạnh với cha mẹ theo kiểu "cha mẹ bảo sao con nghe vậy" và nếu cha mẹ "cấm" con hoạt động cách mạng hay chống phá phong trào cách mạng, phần lại lợi ích của dân tộc thì con cũng phải nghe theo, trái lại thì phải "tận trung" với vua quan nhà Nguyễn và nhà nước thực dân. Cũng theo cách ấy, thanh

thiếu niên Việt Nam chỉ còn biết đến quá khứ bị làm sai lệch của tổ tiên, của dân tộc mà quên đi hiện tại và tương lai của dân tộc mình, cũng sao nhãng những bổn phận của một người dân mất nước. Cũng vẫn như ở giai đoạn trước, số trẻ em được đi học so với tổng số dân, rồi số người có bằng Tiểu học, cũng như bằng Sơ học là rất thấp. Niên giám Thống kê Đông Dương cho biết tỷ lệ trẻ được học tiểu học so với số dân được tính trên đơn vị là 1.000 dân trong những năm khủng hoảng chỉ trong khoảng 18, 19 trẻ (13). Số trẻ được nhận chứng chỉ Sơ đẳng tiểu học bản xứ chỉ được tính với con số là hàng chục nghìn và số trẻ được nhận chứng chỉ Tiểu học Pháp Đông Dương chỉ được tính với con số hàng nghìn trong mỗi năm mà thôi (xem bảng 3).

Ở các bậc học cao, nhất là đại học "những môn học chủ yếu của văn hóa Pháp", thì vẫn như trước đây, tinh thần trong "Chương trình cải cách" của Pierre Pasquier được nêu ra ở trên là để dành cho bậc *thượng lưu trí thức* bản xứ, có nghĩa là không phải tất cả thanh niên Việt Nam đều có thể mơ được bước vào bậc học này. Nghị quyết chính trị Đại biểu đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (từ ngày 27 đến 31-3-1935) nêu rõ:

"Cải cách giáo dục là cốt để đào tạo tư tưởng phong kiến, chọn tay trung thành với đế quốc, nhưng số trường học mỗi ngày một sụt, học trò thất học, thầy giáo thất nghiệp ngày càng tăng" (15).

**Bảng 3: Số trẻ có chứng chỉ tiểu học Pháp-Đông Dương và Sơ đẳng tiểu học bản xứ (14)**

(Đơn vị: nghìn người)

	1930	1931	1932	1933	1934	1935
Số chứng chỉ tiểu học Pháp - Việt	4,4	4,8	5,0	4,8	5,5	5,8
Số chứng chỉ Sơ đẳng tiểu học	34	33	32	30	35	46

(Xem tiếp trang 41)

(85). Thủ lĩnh: Nguyên bản dùng chữ *đầu nhân* 头人, có nghĩa đen là người đứng đầu/cầm đầu.

(86). Sonomuseling 索诺木策凌: Hiện chưa tra được cách phiên âm chính xác tên của vị đô thống này, tạm ghi ở đây là Sonomuseling.

(87). (\*) Xem Quyển 1046 trong *Thanh Cao tông thực lục*.

(88). Nguyên văn lời dụ này theo trích dẫn của DươngLiêm: 将此由四百里谕令索诺木策凌知之, 仍即查明复奏.

## VIỆC "CẢI CÁCH" GIÁO DỤC CỦA PIERRE PASQUIER...

(Tiếp theo trang 8)

### CHÚ THÍCH

(1). *Chương trình 19 điểm* được Pierre Pasquier đưa ra từ 1928, trước khi chính thức được bổ nhiệm Toàn quyền Đông Dương năm 1929, xem Tạ Thị Thúy: *Chính sách thuộc địa của Perrre Pasquier ở Việt Nam đầu những năm 30 thế kỷ XX*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (419) 2011, tr. 3-16

(2). Pierre Pasquier trong *Revue indochinoise illustrée*, No 32, 1929, tr. 295.

(3). Dương Bá Trạc: *Lời điều trần cùng quan thuộc địa Thượng thư*, trong *Nam Phong*, số 167, tháng 11, 12 năm 1931, tr. 392, 393, 394, 395.

(4). *Nam Phong*, số 154, tháng 9-1930, tr. 2.

(5). II A 45/ 326 (6) Un Program de réforme en Indochine par Gouverneur Général Pierre Pasquier (3-1931).

(6). Xem: *Bài diễn thuyết của René Robin - Thống sứ Bắc Kỳ trước Viện dân biểu Bắc Kỳ 25-9-1930*, trong *Nam Phong*, số 153, tháng 10-1930. tr. 212.

(7). *Lược thuật bài diễn thuyết của quan Thống sứ Bắc Kỳ Pages tại Hội đồng dân biểu Bắc Kỳ 9-11-1932*, trong *Nam Phong*, số 178, tháng 11-1932, tr. 533.

(8). *Résumé statistique de l'Indochine 1913-1940*, tr. 3.

(9). *Mấy điều sửa đổi trong Học chính Tổng quy*, trong *Nam Phong*, số 185. 6-1933.

(10). Trong tài liệu gọi miệt thị là Thổ, Mán.

(11). *Résumé statistique de l'Indochine 1913-1940*, tr. 3, 4.

(12). GGI 344. Situation économique et financière de l'Indochine de 1930-1937. Rapport du Directeur des Finances de l'Indochine.

(13), (14). *Résumé statistique de l'Indochine 1913-1940*, tr. 4

(15). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 5, 1935, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 12.